

Số: /2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg

ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

b) Các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công

Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh; là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công ngân sách địa phương phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh phù hợp kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 và quy hoạch tỉnh Cà Mau.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030. Tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lực ngân sách cấp tỉnh, cấp xã bảo đảm ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo.

5. Giải ngân phải đạt trên 95% và phấn đấu giải ngân 100% so với kế hoạch vốn được giao.

6. Phân bổ vốn đầu tư công tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; các dự án chỉ được phân bổ vốn khi có quyết định phê duyệt chủ

trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công tương ứng với việc dự án đã được đánh giá hiệu quả đầu tư theo quy định của pháp luật.

7. Dành dự phòng 10% kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương theo từng nguồn vốn để xử lý những vấn đề phát sinh trong kỳ kế hoạch trung hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước. Khoản vốn dự phòng chưa phân bổ chỉ được sử dụng khi bảo đảm được cân đối nguồn vốn và bố trí cho các mục tiêu thật sự cần thiết, cấp bách theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

8. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh.

9. Ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các xã, phường trong tỉnh.

10. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

- a) Dự án đầu tư công đặc biệt, Dự án đầu tư công khẩn cấp;
- b) Hoàn trả vốn ứng trước;
- c) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- d) Bố trí vốn đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài;
- đ) Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền;
- e) Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2026 - 2030;
- g) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;
- h) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);
- i) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

k) Bố trí vốn để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

l) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu theo quy định của Luật Đầu tư công.

11. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 cho cấp xã

1. Nguyên tắc phân bổ vốn, phải tuân thủ các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này và các nguyên tắc cụ thể như sau:

a) Được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao; bảo đảm không dàn trải, manh mún.

2. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

a) Tiêu chí dân số bao gồm: số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số. Cách tính cụ thể như sau:

Điểm của tiêu chí số dân trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Đến 30.000 người được tính	5
Trên 30.000 người, cứ 4.000 người tăng thêm được tính thêm	0,5

Số dân trung bình được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Thống kê tỉnh cung cấp, trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu số dân trung bình được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu số dân trung bình của các xã, phường trước điều chỉnh địa giới hành chính.

Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Đến 2.000 người được tính	1
Trên 2.000 người, cứ 2.000 người tăng thêm được tính thêm	0,5

Số người dân tộc thiểu số được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp, trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu số người dân tộc thiểu số được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu số người dân tộc thiểu số của các xã, phường trước điều chỉnh địa giới hành chính.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển bao gồm: số thu ngân sách và tỷ lệ hộ nghèo đa chiều. Cách tính cụ thể như sau:

Điểm của tiêu chí số thu ngân sách

Số thu ngân sách	Điểm
Đến 03 tỷ đồng được tính	5
Trên 03 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	7
Trên 10 tỷ đồng	9

Số thu ngân sách được xác định căn cứ vào số liệu do Thuế tỉnh cung cấp.

Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	Điểm
Đến 2% được tính	1
Trên 2%, cứ 2% tỷ lệ hộ nghèo tăng thêm được tính thêm	1

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

c) Tiêu chí diện tích, bao gồm: diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng. Cách tính cụ thể như sau:

Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 10.000 ha được tính	5
Trên 10.000 ha, cứ 4.000 ha tăng thêm được tính thêm	0,5

Diện tích đất tự nhiên được xác định theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025, Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bạc Liêu năm 2025 và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau. Trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu diện tích đất tự nhiên được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu diện tích đất tự nhiên của các xã, phường trước điều chỉnh địa giới hành chính.

Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Các xã có tỷ lệ che phủ rừng đến 10%	1
Các xã có tỷ lệ che phủ rừng trên 10% đến 30%	2
Các xã có tỷ lệ che phủ rừng trên 30% đến 50%	3
Các xã có tỷ lệ che phủ rừng trên 50%	4

Tỷ lệ che phủ rừng của từng đơn vị cấp xã được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

d) Tiêu chí bổ sung

Địa bàn	Điểm
Xã đặc biệt khó khăn khu vực III	3

Xã đặc biệt khó khăn khu vực III được xác định theo Quyết định số 02354/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt danh sách ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ấp đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030.

3. Tổng số điểm phân bổ vốn của từng xã, phường

Tổng số điểm phân bổ vốn của từng xã, phường là tổng số điểm đạt được xác định theo 04 tiêu chí, gồm: dân số, trình độ phát triển, diện tích và tiêu chí bổ sung theo nội dung tại khoản 2 Điều này.

Tổng số điểm phân bổ vốn của từng xã, phường	=	Điểm tiêu chí dân số	+	Điểm tiêu chí trình độ phát triển	+	Điểm tiêu chí diện tích	+	Điểm tiêu chí bổ sung
--	---	----------------------	---	-----------------------------------	---	-------------------------	---	-----------------------

4. Phương pháp tính mức vốn phân bổ

Cơ sở để xác định mức vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho từng xã, phường căn cứ trên tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho từng xã, phường và tổng số điểm từng xã, phường đạt được theo quy định tại khoản 3 Điều này.

a) Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ được xác định như sau:

Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ	=	Tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 (75% nguồn ngân sách tập trung) phân bổ cho cấp xã
		Tổng số điểm của cấp xã

b) Mức vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho từng xã, phường được xác định như sau:

Mức vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho từng xã, phường	=	Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ	x	Tổng số điểm của từng xã, phường
--	---	-------------------------------------	---	----------------------------------

Trên cơ sở tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho từng xã, phường được xác định, giao kế hoạch vốn bằng 90% trên tổng mức vốn được xác định, 10% còn lại được giữ lại để tạo nguồn dự phòng chung của giai đoạn. Nguồn vốn dự phòng chung được xem xét phân bổ cho các xã, phường trong năm 2030 theo khả năng cân đối thực tế của nguồn vốn.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng...năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khoá ..., Kỳ họp thứ...thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH